

Bản án số: 03/2020/HNGĐ-PT
Ngày 11/02/2020
V/v tranh chấp hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hiền

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Hải Vinh

Ông Ong Thân Thắng

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Thìn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 66/2020/TLPT-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2019 về việc tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 46/2019/HNGĐ-ST, ngày 29/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện L bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2020/QĐ- PT ngày 14 tháng 01 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1996 (có mặt).

Hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang;

Địa chỉ: Thôn V, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1992 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang

-Người kháng cáo: Bị đơn anh Nguyễn Văn K

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 26/3/2019, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn K kết hôn có được tự do, tự nguyện tìm hiểu, thỏa thuận và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ ngày 06/11/2015. Sau khi kết hôn, chị về nhà anh K làm dâu ngay và sống chung cùng gia đình. Quá trình chung sống, tình cảm vợ chồng ban đầu hạnh phúc, vợ chồng sống hòa thuận, đến khi chị sinh con vào năm 2016 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị sau khi sinh con hay bị ốm đau, bệnh tật, gia đình chồng không quan tâm gì và mâu thuẫn về kinh tế dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Vợ chồng chính thức ly thân từ tháng 4/2018 đến nay, chấm dứt mọi quan hệ, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Mâu thuẫn vợ chồng cũng đã được hai bên gia đình, anh chị em động viên hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng cũng không thành. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng với anh K không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh K.

- Về con chung: Chị T xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Minh K, sinh ngày 02/11/2016, hiện nay cháu đang ở với anh K, cháu bé vẫn phát triển bình thường. Ly hôn chị T đề nghị Tòa án giải quyết để chị được nuôi con chung của vợ chồng.

Về cấp dưỡng nuôi con, chị T không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị vì xác định đủ điều kiện nuôi con một mình, chị đang làm công nhân tại Công ty TNHH C Bắc Ninh, thu nhập bình quân là trên 6.000.000đ/tháng. Hiện nay chị không mang thai.

- Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác, công sức và các quan hệ khác: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn K trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị T kết hôn có được tự do, tự nguyện tìm hiểu, thỏa thuận và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ ngày 06/11/2015 như chị T trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, chị T về nhà anh làm dâu ngay và sống chung cùng gia đình. Quá trình chung sống, tình cảm vợ chồng ban đầu hạnh phúc, vợ chồng sống hòa thuận được vài tháng thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn dẫn đến cãi vã nhau, chị T đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở, anh đã sang đón thì chị T lại về nhà anh. Tuy nhiên, trong thời gian 2 năm từ năm 2015 đến năm 2017 mỗi khi vợ chồng xảy ra cãi nhau chị T lại bỏ về nhà mẹ đẻ ở tổng là 5 lần, anh đã sang nói chuyện hòa giải thì chị T lại về. Đến lần thứ 6 là tháng 3/2018 vợ chồng lại xảy ra mâu thuẫn cãi nhau, chị T lại bỏ về nhà mẹ đẻ ở, anh sang đón nhiều lần nhưng chị T cương quyết không về sống chung cùng anh nữa. Vợ chồng chính thức ly thân từ tháng 3/2018 đến nay, chấm dứt mọi quan hệ, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Mâu thuẫn vợ chồng cũng đã được hai bên gia đình, anh chị em động viên hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng cũng không thành. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng với chị T không còn, chị T có đơn xin ly hôn anh đồng ý, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị T.

- Về con chung: Anh K xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Minh K, sinh ngày 02/11/2016, hiện nay cháu đang ở với anh, cháu bé vẫn phát triển bình thường. Ly hôn anh đề nghị Tòa án giải quyết để anh được nuôi con chung của vợ chồng vì từ nhỏ đến nay cháu vẫn ở với anh.

Về cấp dưỡng nuôi con, anh K không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh vì xác định đủ điều kiện nuôi con một mình. Hiện nay anh đang làm nghề lái xe và lái máy xúc, thu nhập bình quân mỗi tháng là trên 10 triệu đồng.

- Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác, công sức và các quan hệ khác: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Với nội dung trên bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 46/2019/HNGĐ-ST, ngày 29/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện L đã áp dụng Điều 51, Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn K.

Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Minh K, sinh ngày 02/11/2016. Anh Nguyễn Văn K không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T cho đến khi đương sự có yêu cầu. Anh Nguyễn Văn K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0000195 ngày 14/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L. Xác nhận chị T đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định quyền kháng cáo và quyền thi hành án cho các đương sự.

Ngày 05/11/2019 anh Nguyễn Văn K kháng cáo bản án sơ thẩm nói trên. Do anh K thuộc hộ nghèo nên anh K được miễn nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm. Anh K kháng cáo không đồng ý về phần giải quyết con chung. Anh đề nghị được nuôi con chung. Với lý do anh làm nghề tự do có đủ điều kiện để nuôi con, chị T hiện làm ở Công ty không có thời gian chăm sóc con tốt.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T không rút đơn khởi kiện, bị đơn anh Nguyễn Văn K không rút đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Anh Nguyễn Văn K trình bày: Anh kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm về phần giải quyết nuôi con chung giao cháu K cho chị T nuôi dưỡng. Lý do hiện nay chị T làm Công ty, tăng ca không có thời gian chăm sóc con, con ốm không

cho đi Bệnh viện, anh làm nghề lái xe cho gia đình anh thu nhập khoảng 10 triệu đồng/tháng, có thời gian chăm sóc con tốt hơn. Sau khi xử sơ thẩm chị T đón con về ở cùng, anh sang đón con chị T không cho anh đón và thăm con. Anh đề nghị giao con chung cho anh nuôi, anh có đủ điều kiện và thời gian chăm con tốt hơn chị T. Nếu được nuôi con chung anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị không đồng ý kháng cáo của anh K, anh K trình bày không đúng, chị làm Công ty giờ hành chính, không phải lúc nào chị cũng phải làm tăng ca, thứ bảy và chủ nhật chị đều được nghỉ, thời gian chị đi làm có bố, mẹ và em trai chị chăm sóc con giúp chị vì chị ở cùng bố, mẹ chị. Cháu K bị ốm chị bảo anh K đưa thẻ khám bệnh để đưa cháu vào Bệnh viện khám nhưng anh K không đưa nên chị phải đưa con đi khám tư, anh K làm nghề lái xe tự do có hôm đi làm cả đêm. Khi cháu K ở cùng anh K chị sang thăm anh K không cho đón, hành hung chị. Chị hiện nay thu nhập khoảng 6 triệu đồng đến 9 triệu đồng/ tháng, tại phiên tòa chị xuất trình bảng lương chi tiết tháng 1/2020 của chị do Công ty nơi chị làm việc chi trả là trên 8 triệu đồng. Chị đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm giao con chung cho chị nuôi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đảm bảo đúng quy định của pháp luật, đối với bị đơn không chấp hành theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Văn K. Giữ nguyên bản án sơ thẩm. Anh K không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, thỏa thuận và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện L. Đây là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn. Mâu thuẫn vợ chồng cũng được hai bên gia đình động viên hòa giải nhưng không cải thiện được. Chị T có đơn xin ly hôn, anh K cũng đồng ý. Bản án sơ thẩm áp dụng Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn K. Các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân các cấp không kháng nghị. Hội đồng xét xử không xem xét.

[2]. Về nuôi con chung: Chị T và anh K đều xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Minh K, sinh ngày 02/11/2016, sau khi xét xử sơ thẩm chị T

đã đón cháu K và hiện nay cháu đang ở với chị T. Bản án sơ thẩm giao con chung cho chị T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh K kháng cáo không đồng ý giao con chung cho chị T nuôi. Xét kháng cáo của anh K. Hội đồng xét xử thấy:

Hiện nay chị T có việc làm, có thu nhập ổn định, đang ở cùng bố mẹ, anh K có trình bày có làm nghề lái xe, ở cùng bố mẹ. Điều kiện nuôi con là như nhau. Tuy nhiên, tại thời điểm xét xử sơ thẩm ngày 29/10/2019 cháu K, sinh 02/11/2016 dưới 36 tháng tuổi. Theo quy định tại khoản 3 Điều 81 luật Hôn nhân và gia đình quy định: “con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận nào khác phù hợp với lợi ích của con”. Anh K không chứng minh được chị T không có đủ điều kiện nuôi con. Ngoài ra, chị T và anh K không có thỏa thuận nào khác về việc giao con chung cho anh K nuôi. Tại phiên tòa phúc thẩm anh K chỉ đưa ra lý do là anh có thời gian chăm sóc con chung hơn chị T vì chị T làm ở Công ty phải tăng ca không có thời gian chăm con. Nhưng anh K không xuất trình được chứng cứ nào chứng minh chị T không đủ điều kiện về thời gian nuôi con. Đến thời điểm xét xử phúc thẩm thì cháu K mới trên 36 tháng tuổi một vài tháng, cháu còn nhỏ, cần sự chăm sóc của mẹ hơn. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung. Hội đồng xét xử thấy: Bản án sơ thẩm giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ và phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân gia đình.

Từ nhận định phân tích trên. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của anh K. Giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần giao con chung cho chị T là người trực tiếp nuôi.

Nếu sau này người trực tiếp nuôi con là chị T không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Anh K có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình

Tuy nhiên, Hội đồng xét xử thấy bản án sơ thẩm giao con chung cho chị T nuôi nhưng không ấn định thời gian nuôi con cho đến khi nào? như vậy ảnh hưởng đến quyền lợi của con chung là cháu K. Do vậy, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Sửa bản án sơ thẩm ấn định về thời gian nuôi con chung đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị. Hội đồng xét xử không xem xét.

[3].Về án phí: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho anh Nguyễn Văn K. Do anh K thuộc hộ nghèo theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Không Chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Văn K. Sửa bản án sơ thẩm về án định thời gian nuôi con chung.

Áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

-Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị T là người trực tiếp nuôi con chung cháu Nguyễn Minh K, sinh ngày 02/11/2016 cho đến khi con chung cháu Nguyễn Minh K tròn 18 tuổi. Anh Nguyễn Văn K không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T cho đến khi đương sự có yêu cầu. Anh Nguyễn Văn K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

-Về án phí: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho anh Nguyễn Văn K.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- TAND huyện H;
- VKSND huyện H;
- THADS huyện H;
- Các đương sự;
- UBND xã Đ, huyện H;
- Lưu hồ sơ, THCTP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Hoàng Thị Thu Hiền